

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.
2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXX- ST ngày 02 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2018 Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;

- Bị đơn: Anh **Bùi Ngọc H**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;

(Chị N có mặt, anh H vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1948. Vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện V,, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1961. Vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Ngọc H đều tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 13/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu khó làm ăn, ham chơi bời, nghe lời mẹ và anh chị nói xấu chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Chị đã cho anh nhiều cơ hội để thay đổi nhưng chỉ được một thời gian vợ chồng lại tiếp tục cãi vã, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến ngày 30/01/2018 (Âm lịch), chị đi làm xa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm tới nhau nữa. Hàng tháng chị vẫn gửi tiền và về thăm con nhưng đến ngày 30/4/2018 chị về thăm con thì gia đình anh H ngăn cản không cho chị gặp con. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, thậm chí, hai bên gia đình cũng nhiều lần lời qua tiếng lại, xúc phạm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thành D, sinh ngày 20/11/2016 hiện nay đang ở với anh H. Nếu ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đã mua máy và đang làm may tại nhà, thu nhập từ 6 đến 7 triệu đồng/tháng. Chị có nhà của bố mẹ đẻ chị để mẹ con chị ở. Bố mẹ chị cũng còn trẻ, còn khỏe, có thể giúp đỡ chị chăm sóc và trông nom con. Lý do chị không đồng ý để con ở với anh H vì trong thời gian chị đi làm xa, gia đình anh H ngăn cản không cho chị thăm gặp con, con chung của anh chị trong thời gian ở nhà với bố và bà nội rất còi cọc, bị suy dinh dưỡng. Mẹ đẻ anh H đã già yếu, trên 70 tuổi nên việc hỗ trợ anh H trong việc chăm sóc cháu sẽ bị hạn chế. Hơn nữa, con chị còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, nếu con được ở với chị, sẽ tốt hơn cho sự phát triển của cháu.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại bản tự khai đề ngày 23/10/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2018, anh Bùi Ngọc H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được

khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể anh không rõ, nếu có thì có thể là do mâu thuẫn mẹ chồng, nàng dâu. Vợ chồng anh chỉ ít xảy ra to tiếng, cãi vã mà chỉ có một lần. Ngày 30/4/2018 chị N tự ý bỏ nhà đi, không liên lạc với chồng. Anh đã nhiều lần tìm gọi chị N về nhưng chị N không về, vợ chồng từ lâu nay đã không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm của anh dành cho chị N vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thành D, sinh ngày 20/11/2016 hiện đang ở với anh và mẹ anh. Nếu chị N kiên quyết xin ly hôn, anh sẽ đồng ý ly hôn với điều kiện chị N giao con cho anh nuôi. Hiện nay anh đang làm thợ nề, thu nhập là 10.000.000 đồng/1 tháng, anh có đủ khả năng nuôi con chung. Từ khi chị N bỏ đi anh nuôi con vẫn đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt của con. Chị N không quan tâm gì đến con nên đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị N hỗ trợ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Phạm Thị V là mẹ đẻ của chị N thể hiện: Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không chịu làm ăn, chơi bời đề đóm, vợ chồng thường hay cãi chửi nhau. Quá trình mâu thuẫn, chị N đã 7 lần bế con về nhà ông bà trong đó có 2 lần mẹ chồng đuổi đi. Lần cuối chị N về nhà bà là tháng 01/2018 nhưng gia đình chồng ngăn cản không cho chị bế con đi. Từ đó đến nay chị N vẫn đều đặn gửi tiền nuôi con cho mẹ chồng nhưng có lần bà và chị N về thăm cháu, mẹ anh H không cho chị N gặp con, anh trai anh H đánh đuổi chị N. Bà nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thành D. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho chị N nuôi vì con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, gia đình bà cũng có điều kiện hỗ trợ chị N trông nom, chăm sóc con tốt hơn.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Bùi Thị L là mẹ đẻ của anh H thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng N – H chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế khó khăn, chị N ham chơi, không quan tâm đến gia đình, con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N tính tình đánh hanh, đánh đá, cãi chửi chồng. Đầu năm 2018 chị N đi Hà Nội làm, thi thoảng mới về. Đến ngày 30/4/2018 chị N đi hẳn, không về gia đình bà nữa, vợ chồng chấm dứt quan hệ, không hỏi han, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị N có đơn xin ly hôn, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, không ở được với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N, anh H ly hôn. Về con chung,

vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thành D, từ nhỏ đến giờ cháu vẫn ở với bà, bà cũng có nguyện vọng được nuôi cháu nên đề nghị Tòa án giao con cho anh H nuôi.

**/*Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị N được ly hôn anh H. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh Hải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Ngọc H và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên xác định đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; chị N và anh H đều cư trú huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị N vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa ngày 16/11/2018, Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 ngày 30/11/2018, nhưng anh H có lý do chính đáng là con ốm, phải nhập viện điều trị nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ 2 và ấn định mở lại phiên tòa xét xử ngày 06/12/2018 là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Bùi Ngọc H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và về vấn đề kinh tế nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vì thế mà rạn nứt, đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng trên thực tế. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nhài và anh Hải là có thật, đã trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh H.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Bùi Thành D, sinh ngày 20/11/2016. Hiện nay con còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự

chăm sóc của người mẹ. Chị N có công việc và thu nhập, bố mẹ đều còn trẻ nên có điều kiện phụ giúp chị N trong việc nuôi con chăm sóc, nuôi dưỡng con, do vậy nếu anh chị ly hôn, cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Bùi Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi Thành D, sinh ngày 20/11/2016 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Ngọc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị N và anh Bùi Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003123 ngày 09/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/12/2018; Anh Bùi Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương